

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN
RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang theo Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2008. Công ty hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 1600230014 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 6 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 06 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 4326488028 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2014 và đăng ký điều chỉnh lần thứ năm ngày 25 tháng 7 năm 2018 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang cấp. Thời hạn hoạt động của dự án là 49 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Công ty chính thức giao dịch lần đầu tiên trên hệ thống giao dịch UPCOM từ ngày 22 tháng 12 năm 2016.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : +84 (0296) 384 1460 – 384 1196
- Fax : +84 (0296) 384 3009

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang – Nhà máy Bình Khánh	Đường Phan Bội Châu, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang – Nhà máy Mỹ An	Áp Mỹ Long, xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang – Xưởng Hòa Bình	Áp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang – Nhà máy Bình Long	Đường số 2, Lô D, Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang – Trung tâm phân phối – Cửa hàng bán lẻ	155/9 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ;
- Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu;
- Mua bán giống cây trồng các loại;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Bán buôn đồ uống;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đặng Ngọc Cẩn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020
Bà Trần Thanh Thủy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Huỳnh Thiện Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Ngô Quang Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020
Ông Bùi Ngọc Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020
Bà Đoàn Đặng Quý An	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Đặng Thị Thúy Nhanh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020
Ông Lê Văn Huy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Pháp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Công Luận	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2018
Ông Bùi Ngọc Duy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Vinh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và có những sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Ngọc Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2021



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Lê Hồng Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



A & C

www.a-c.com.vn

Số: 1.0544/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

Trần Thị Thùy Uyên - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1539-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.871.510.897	124.414.241.047
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	56.897.486.363	46.064.377.239
1. Tiền	111		39.197.486.363	29.964.377.239
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.700.000.000	16.100.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.350.000.000	5.850.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.350.000.000	5.850.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.911.854.704	17.727.200.504
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	24.555.688.117	16.081.632.662
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.010.615.605	2.265.477.793
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	326.698.027	493.277.962
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.981.147.045)	(1.113.187.913)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		52.253.870.499	49.977.844.655
1. Hàng tồn kho	141	V.7	56.457.114.824	50.815.435.848
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(4.203.244.325)	(837.591.193)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.458.299.331	4.794.818.649
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.284.992.484	1.078.322.244
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.172.306.847	3.716.496.405
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.000.000	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		130.465.340.987	126.192.425.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		116.127.409.807	115.345.984.666
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	113.729.042.009	112.873.868.475
- Nguyên giá	222		252.296.448.405	251.875.190.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(138.567.406.396)	(139.001.321.852)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.398.367.798	2.472.116.191
- Nguyên giá	228		3.750.673.200	3.750.673.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.352.305.402)	(1.278.557.009)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		590.000.000	104.648.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	590.000.000	104.648.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.747.931.180	10.741.792.641
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	13.747.931.180	10.740.192.641
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	1.600.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		273.336.851.884	250.606.666.354

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		206.860.381.413	196.347.209.083
I. Nợ ngắn hạn	310		161.822.794.972	145.000.945.534
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	16.539.649.945	19.287.712.218
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	5.756.215.701	4.314.724.158
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	352.016.709	252.635.311
4. Phải trả người lao động	314	V.15	13.885.102.126	9.088.610.973
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	284.006.093	275.315.746
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		68.181.818	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2.337.334.570	2.952.331.951
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a, c	122.084.810.103	105.669.771.408
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	507.634.138	3.150.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.843.769	9.843.769
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		45.037.586.441	51.346.263.549
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b, c	45.037.586.441	51.346.263.549
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.476.470.471	54.259.457.271
I. Vốn chủ sở hữu	410		66.476.470.471	54.259.457.271
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	5.631.775.383	5.631.775.383
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lũy kế	421	V.20	844.695.088	(11.372.318.112)
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		(11.372.318.112)	(17.245.173.287)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.217.013.200	5.872.855.175
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		273.336.851.884	250.606.666.354

An Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Trần Thụy Tố Trinh
Người lập

Ngô Thu Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Vinh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	408.298.507.650	368.667.110.815
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		408.298.507.650	368.667.110.815
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	342.197.243.151	312.501.712.214
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.101.264.499	56.165.398.601
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.688.168.023	2.318.039.759
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.515.765.647	9.906.928.233
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.375.670.284	9.345.316.291
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	27.228.019.534	22.935.734.774
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.413.781.385	19.745.924.899
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.631.865.956	5.894.850.454
11. Thu nhập khác	31	VI.7	956.265.481	213.699.338
12. Chi phí khác	32	VI.8	151.617.986	235.694.617
13. Lợi nhuận khác	40		804.647.495	(21.995.279)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.436.513.451	5.872.855.175
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	219.500.251	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12.217.013.200</u>	<u>5.872.855.175</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a, b	<u>2.036</u>	<u>979</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a, b	<u>2.036</u>	<u>979</u>

An Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2021


Trần Thụy Tố Trinh
Người lập

Ngô Thu Hà
Kế toán trưởngNguyễn Ngọc Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.436.513.451	5.872.855.175
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	13.986.432.162	13.056.061.289
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7, 19	4.764.318.402	(759.042.773)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	1.303.638	42.915.763
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7	(1.934.243.064)	(1.134.703.015)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9.375.670.284	9.345.316.291
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.629.994.873	26.423.402.730
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.819.518.567)	(597.539.129)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.641.678.976)	(4.023.772.963)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		385.953.573	5.254.992.287
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		979.557.072	1.472.943.448
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, 17; VI.4	(9.354.332.683)	(10.828.418.824)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(25.072.000)	(30.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.154.903.292	17.670.707.549
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, 8b, 9, 11, 12	(22.069.617.974)	(9.362.954.708)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		864.136.364	42.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.450.000.000)	(5.850.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.950.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	1.248.929.433	863.000.823
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.456.552.177)	(14.307.953.885)

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a, b	275.914.945.336	216.694.001.821
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a, b	(265.758.775.109)	(193.249.462.029)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(465.649.419)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.156.170.227	22.978.890.373
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.854.521.342	26.341.644.037
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	46.064.377.239	19.732.579.052
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(21.412.218)	(9.845.850)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	56.897.486.363	46.064.377.239

An Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Trần Thụy Tố Trinh
Người lập

Ngô Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: chế biến và bảo quản rau quả; sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; mua bán nông, lâm sản nguyên liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 607 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 582 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán, nếu không chỉ định cụ thể ngân hàng thanh toán thì áp dụng theo tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng được chỉ định thanh toán, nếu không chỉ định cụ thể ngân hàng thanh toán thì áp dụng theo tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là lợi thế vị trí địa lý, tiền thuê đất trả trước và chi phí sửa chữa lớn nhà xưởng và máy móc thiết bị. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế vị trí địa lý

Lợi thế vị trí địa lý được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty. Giá trị lợi thế vị trí địa lý được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm cho các phần đất thuê tại tỉnh An Giang mà Công ty đang sử dụng trong thời gian 21 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất tại tỉnh An Giang mà Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê của từng lô đất thuê.

Chi phí sửa chữa lớn nhà xưởng và máy móc thiết bị

Chi phí sửa chữa tài sản, cải tạo kho và văn phòng tại Công ty và các nhà máy phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 37 – 45 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	489.163.798	329.978.470
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.708.322.565	29.634.398.769
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	17.700.000.000	16.100.000.000
Cộng	<u>56.897.486.363</u>	<u>46.064.377.239</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh An Giang với lãi suất cố định 6,8%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mercer Foods LLC.	8.117.160.000	-
Công ty TNHH Alba	4.517.663.200	1.875.686.400
Export Packers Company Limited	2.047.387.848	-
Begro N.V	1.781.524.800	906.004.440
Zumdieck GmbH	-	2.667.679.740
Các khách hàng khác	8.091.952.269	10.632.262.082
Cộng	<u>24.555.688.117</u>	<u>16.081.632.662</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần VINO	787.689.000	937.725.000
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Phước An ⁽ⁱ⁾	688.578.000	-
Công ty Cổ phần Thái Nông Việt	1.266.598.605	1.266.598.605
Các nhà cung cấp khác ⁽ⁱ⁾	267.750.000	61.154.188
Cộng	3.010.615.605	2.265.477.793

⁽ⁱ⁾ Trong đó, khoản trả trước liên quan đến mua sắm tài sản cố định tại thời điểm kết thúc năm tài chính là 946.328.000 VND (số đầu năm là 49.500.000 VND).

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	215.430.487	-	251.389.469	-
Lãi dự thu	63.065.760	-	241.888.493	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	48.201.780	-	-	-
Cộng	326.698.027	-	493.277.962	-

6. Nợ quá hạn

Công ty có các khoản nợ phải thu khách hàng và trả trước người bán quá hạn thanh toán. Chi tiết như sau:

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu của khách hàng	714.548.440	-	665.005.360	185.116.750
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	49.543.080	-	359.573.500	174.066.750
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	165.060.000	-	22.100.000	11.050.000
Trên 3 năm	499.945.360	-	283.331.860	-
Trả trước cho người bán	1.266.598.605	-	1.266.598.605	633.299.302
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	1.266.598.605	633.299.302
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.266.598.605	-	-	-
Cộng	1.981.147.045	-	1.931.603.965	818.416.052

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.113.187.913	497.452.335
Trích lập dự phòng bổ sung	867.959.132	615.735.578
Số cuối năm	1.981.147.045	1.113.187.913

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.973.784.825	(69.124.590)	4.612.561.627	-
Công cụ, dụng cụ	238.126.387	-	329.355.235	-
Thành phẩm ⁽ⁱ⁾	44.351.718.559	(3.779.966.926)	37.736.584.656	(808.554.773)
Hàng hóa ⁽ⁱ⁾	435.633.046	(4.021.209)	3.866.448.662	(29.036.420)
Hàng gửi đi bán	7.457.852.007	(350.131.600)	4.270.485.668	-
Cộng	56.457.114.824	(4.203.244.325)	50.815.435.848	(837.591.193)

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Trong đó, giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm kết thúc năm tài chính là 373.303.652 VND (số đầu năm là 837.591.193 VND).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	837.591.193	2.212.369.544
Trích lập dự phòng bổ sung	3.365.653.132	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.374.778.351)
Số cuối năm	<u>4.203.244.325</u>	<u>837.591.193</u>

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	684.096.096	234.160.901
Chứng chỉ an toàn thực phẩm	237.643.753	248.303.345
Chi phí bảo hiểm	154.695.547	124.042.651
Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	869.420.630	198.021.028
Chi phí khác	339.136.458	273.794.319
Cộng	<u>2.284.992.484</u>	<u>1.078.322.244</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị lợi thế vị trí địa lý ⁽ⁱ⁾	5.234.877.437	5.568.945.101
Chi phí sửa chữa lớn nhà xưởng và máy móc thiết bị ⁽ⁱⁱ⁾	5.974.610.056	2.905.900.854
Tiền thuê đất trả trước	1.430.999.990	1.528.999.994
Chi phí công cụ, dụng cụ	179.278.697	140.551.514
Các chi phí trả trước dài hạn khác ⁽ⁱⁱⁱ⁾	928.165.000	595.795.178
Cộng	<u>13.747.931.180</u>	<u>10.740.192.641</u>

- (i) Giá trị lợi thế vị trí địa lý được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty và được khấu trừ vào tiền thuê đất hàng năm đối với toàn bộ phần diện tích đất thuê tại phường Mỹ Long và phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang (xem các thuyết minh số V.14 và V.21a).

- (ii) Trong đó, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và mua sắm tài sản dài hạn khác liên quan đến dòng tiền chi mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm là 5.193.965.851 VND (năm trước là 2.071.791.0202 VND).

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	66.647.516.896	173.504.192.255	8.767.214.333	2.956.266.843	251.875.190.327
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	58.333.400	13.290.266.721	1.423.417.182	-	14.772.017.303
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(13.148.900.800)	(1.197.698.425)	-	(14.346.599.225)
Giảm do kết chuyển vào chi phí trong năm	-	-	(4.160.000)	-	(4.160.000)
Số cuối năm	<u>66.705.850.296</u>	<u>173.645.558.176</u>	<u>8.988.773.090</u>	<u>2.956.266.843</u>	<u>252.296.448.405</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23.482.325.467	48.849.465.950	3.394.185.526	1.102.301.173	76.828.278.116
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	32.104.518.241	98.175.818.812	6.746.097.549	1.974.887.250	139.001.321.852
Khấu hao trong năm	2.056.181.235	10.931.307.747	669.123.123	256.071.664	13.912.683.769
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(13.148.900.800)	(1.197.698.425)	-	(14.346.599.225)
Số cuối năm	34.160.699.476	95.958.225.759	6.217.522.247	2.230.958.914	138.567.406.396
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	34.542.998.655	75.328.373.443	2.021.116.784	981.379.593	112.873.868.475
Số cuối năm	32.545.150.820	77.687.332.417	2.771.250.843	725.307.929	113.729.042.009
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 105.365.465.380 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh tỉnh An Giang và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang (xem các thuyết minh số V.18a và V.18b).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	3.750.673.200
Số cuối năm	3.750.673.200
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.278.557.009
Khấu hao trong năm	73.748.393
Số cuối năm	1.352.305.402
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.472.116.191
Số cuối năm	2.398.367.798
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang (xem thuyết minh số V.18a).

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác ⁽ⁱ⁾	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	14.830.956.217	(14.772.017.303)	(58.938.914)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	104.648.000	4.574.610.581	-	(4.089.258.581)	590.000.000
Cộng	104.648.000	19.405.566.798	(14.772.017.303)	(4.148.197.495)	590.000.000

⁽ⁱ⁾ Giảm do kết chuyển vào chi phí trả trước và các khoản chi phí trong năm.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
CT - Technologies APS ⁽ⁱ⁾	-	1.763.976.789
Công ty TNHH Việt Nam Chuan Li Can Manufacturing	853.883.870	858.234.252
Các nhà cung cấp khác ⁽ⁱ⁾	15.685.766.075	16.665.501.177
Cộng	16.539.649.945	19.287.712.218

⁽ⁱ⁾ Trong đó, khoản phải trả liên quan đến mua sắm tài sản cố định tại thời điểm kết thúc năm tài chính là 2.809.492.636 VND (số đầu năm là 3.535.107.456 VND).

Công ty có khả năng trả được các khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn.

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giant Food International Co., Ltd.	1.204.024.320	-
Asia Frozen Food Corp.	979.224.425	-
Sythreelaf International Trading Development Co., Ltd.	906.848.356	906.848.356
Godalls Food INC	895.675.033	-
Rosemary and Thyme Limited	882.957.310	882.957.310
Công ty TNHH Phúc Vĩnh	483.770.000	1.000.000.000
Goldas Company	-	670.336.380
Các khách hàng khác	403.716.257	854.582.112
Cộng	5.756.215.701	4.314.724.158

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Giảm khác ⁽ⁱ⁾	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	435.420.953	(435.420.953)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	219.500.251	-	-	219.500.251	-
Thuế thu nhập cá nhân	237.971.081	-	524.796.108	(701.010.304)	-	61.756.885	-
Thuế tài nguyên	6.362.520	-	89.964.200	(88.569.680)	-	7.757.040	-
Thuế nhà đất	-	-	5.169.088	(5.169.088)	-	-	-
Tiền thuê đất	-	-	359.597.334	(25.529.670)	(334.067.664)	-	-
Phí bảo vệ môi trường	8.301.710	-	20.981.498	(23.513.899)	-	5.769.309	-
Các loại thuế và phí khác	-	-	97.909.013	(41.675.789)	-	57.233.224	1.000.000
Cộng	252.635.311	-	1.753.338.445	(1.320.889.383)	(334.067.664)	352.016.709	1.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Tiền thuê đất hàng năm đối với toàn bộ phần diện tích đất thuê tại phường Mỹ Long và phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang được khấu trừ với giá trị lợi thế vị trí địa lý (xem thuyết minh số V.8b).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bán giống cây trồng	:	Không chịu thuế
- Hàng xuất khẩu	:	0%
- Hàng nông sản qua sơ chế	:	5%
- Hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trong nước	:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án số 4326488028 đăng ký điều chỉnh lần thứ năm ngày 25 tháng 7 năm 2018 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập tính thuế từ hoạt động đầu tư xây dựng Nhà máy Bình Long (công suất 10.000 tấn/năm) với thuế suất 10% trong 49 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm đầu tiên phát sinh thu nhập từ dự án.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.436.513.451	5.872.855.175
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.331.525.864	2.082.123.958
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(1.607.103.919)</u>	<u>(453.682.036)</u>
Thu nhập chịu thuế	13.160.935.396	7.501.297.097
Thu nhập từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi miễn thuế	-	(3.066.455.643)
Lỗi các năm trước được chuyển	<u>(12.063.434.143)</u>	<u>(4.434.841.454)</u>
Thu nhập tính thuế	1.097.501.253	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>219.500.251</u>	<u>-</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới đất và nước mặt dùng cho mục đích làm mát, vệ sinh công nghiệp, sản xuất chế biến nông sản,... với mức từ 4.000 VND/m³ đến 5.000 VND/m³.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê quy định cụ thể trong từng hợp đồng thuê tại các vị trí sau:

- Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 12 tại phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang với diện tích 273,30 m²;
- Đường Phan Bội Châu, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang với diện tích 4.257,50 m²;
- Đường Phan Bội Châu, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang với diện tích 5.999,50 m²;
- Ấp Mỹ An, xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với diện tích 7.004,30 m²;
- Ấp Mỹ Trung, xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với diện tích 7.702,50 m²;
- Thửa đất số 362, tờ bản đồ số 4 tại xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang với diện tích 27.338,00 m².

Phí bảo vệ môi trường

Công ty thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo thông báo tạm nộp phí của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản hỗ trợ khác còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi vay phải trả	61.332.463	-
Chi phí doanh số mua hàng và hỗ trợ khuyến mãi phải trả	88.216.528	83.662.200
Chi phí vận chuyển phải trả	48.570.911	42.594.222
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	85.886.191	149.059.324
Cộng	<u>284.006.093</u>	<u>275.315.746</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>562.227.272</u>	<u>362.250.000</u>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	402.227.272	362.250.000
Thành viên Hội đồng quản trị - phí tư vấn phải trả	160.000.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	<u>1.775.107.298</u>	<u>2.590.081.951</u>
Kinh phí công đoàn	345.636.435	368.701.856
Bảo hiểm xã hội	633.141.507	1.636.664.205
Bảo hiểm y tế	135.430.721	289.472.610
Bảo hiểm thất nghiệp	59.854.075	111.030.501
Lãi vay phải trả	-	39.994.862
Cổ tức phải trả	24.928.110	24.928.110
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	576.116.450	119.289.807
Cộng	<u>2.337.334.570</u>	<u>2.952.331.951</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	107.304.133.576	93.840.259.934
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh An Giang ⁽ⁱ⁾	49.412.676.886	46.342.000.000
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱ⁾	57.891.456.690	44.015.259.934
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh An Giang	-	3.483.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	14.780.676.527	11.829.511.474
Cộng	<u>122.084.810.103</u>	<u>105.669.771.408</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh tỉnh An Giang với hạn mức tín dụng 54.240.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cố định theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này có thể được giải ngân bằng Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam và được đảm bảo bằng việc thế chấp một số nhà xưởng và máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty (xem thuyết minh số V.9).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với hạn mức tín dụng 57.800.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ, được điều chỉnh theo từng thời kỳ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay này có thể được giải ngân bằng Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam và được đảm bảo bằng việc thế chấp một số nhà xưởng, máy móc, thiết bị và toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.10).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Giảm khác⁽ⁱ⁾</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	93.840.259.934	265.824.310.970	-	(49.808.640)	(252.310.628.688)	107.304.133.576
Vay dài hạn đến hạn trả	11.829.511.474	-	14.780.676.527	-	(11.829.511.474)	14.780.676.527
Cộng	<u>105.669.771.408</u>	<u>265.824.310.970</u>	<u>14.780.676.527</u>	<u>(49.808.640)</u>	<u>(264.140.140.162)</u>	<u>122.084.810.103</u>

(i) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay ngoại tệ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	40.525.334.418	50.844.458.526
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱ⁾	4.512.252.023	501.805.023
Cộng	<u>45.037.586.441</u>	<u>51.346.263.549</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh tỉnh An Giang theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD ngày 13 tháng 01 năm 2015 để tài trợ xây dựng Nhà máy Bình Long với hạn mức tín dụng là 100 tỷ VND, lãi suất 8,5%/năm và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay 11 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 năm. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.
- Hợp đồng tín dụng số 25/2018/HĐTD ngày 26 tháng 12 năm 2018 để sửa chữa và mua sắm máy móc, thiết bị với lãi suất cố định 9,5%/năm và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay từ 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 7 năm 2019.
- Hợp đồng tín dụng số 6700-LAV-201902049 ngày 22 tháng 11 năm 2019 để xây dựng kho mát chứa nguyên liệu, mở rộng phòng đóng gói và xây dựng giếng sử dụng nước sinh hoạt với lãi suất cố định 9,5%/năm và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Các khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp một số nhà xưởng, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn được hình thành bằng nguồn vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/548428/HĐTD ngày 16 tháng 9 năm 2019 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 8,8%/năm tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 và điều chỉnh 03 tháng/lần, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 10 năm 2019.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2019/548428/HĐTD ngày 16 tháng 9 năm 2019 để mua sắm máy móc, thiết bị với lãi suất 8,8%/năm tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 và điều chỉnh 03 tháng/lần, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 22 tháng 10 năm 2019.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2020/548428/HĐTD ngày 03 tháng 8 năm 2020 để mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và mở rộng kho xưởng với lãi suất 9%/năm tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2021 và điều chỉnh 03 tháng/lần, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 21 tháng 9 năm 2020.

Các khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp một số máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn được hình thành bằng nguồn vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	14.780.676.527	11.829.511.474
Trên 1 năm đến 5 năm	40.037.586.441	41.346.263.549
Trên 5 năm	5.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u>59.818.262.968</u>	<u>63.175.775.023</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	51.346.263.549
Số tiền vay phát sinh	10.090.634.366
Số tiền vay đã trả	(1.618.634.947)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(14.780.676.527)
Số cuối năm	<u>45.037.586.441</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Kết chuyển sang phải trả người lao động	Số cuối năm
Chi phí lương, thưởng	3.150.000.000	-	-	(3.150.000.000)	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	530.706.138	(23.072.000)	-	507.634.138
Cộng	3.150.000.000	530.706.138	(23.072.000)	(3.150.000.000)	507.634.138

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lỗ lũy kế	Cộng
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	5.631.775.383	(17.245.173.287)	48.386.602.096
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	5.872.855.175	5.872.855.175
Số dư cuối năm trước	60.000.000.000	5.631.775.383	(11.372.318.112)	54.259.457.271
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	5.631.775.383	(11.372.318.112)	54.259.457.271
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	12.217.013.200	12.217.013.200
Số dư cuối năm nay	60.000.000.000	5.631.775.383	844.695.088	66.476.470.471

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Nguyễn Thị Phương Dung	29.424.000.000	-
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH (SCIC)	-	29.424.000.000
Ông Huỳnh Thiện Nhân	-	1.220.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	3.010.620.000	3.180.620.000
Các tổ chức và cá nhân khác	27.565.380.000	26.175.380.000
Cộng	60.000.000.000	60.000.000.000

Các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	359.597.334	356.958.672
Trên 1 năm đến 5 năm	1.438.389.336	1.427.834.688
Trên 5 năm	11.365.108.716	11.666.135.158
Cộng	<u>13.163.095.386</u>	<u>13.450.928.518</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 10.530,3 m² đất tại phường Mỹ Long và phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang với giá thuê từ 17.640 VND/m²/năm đến 420.000 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ 30 năm đến 50 năm tính từ năm 1998 đối với Trụ sở chính và Nhà máy Bình Khánh. Tuy nhiên, giá trị các khoản cam kết thuê hoạt động này có thể thay đổi do các Cơ quan có thẩm quyền thay đổi đơn giá tiền thuê đất trong tương lai. Số tiền thuê hàng năm sẽ được khấu trừ trừ vào giá trị lợi thế vị trí địa lý trong thời gian 21 năm (xem thuyết minh số V.8b).
- Tổng số tiền thuê 14.706,8 m² đất tại xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với giá thuê từ 1.260 VND/m²/năm đến 2.100 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ 30 năm đến 50 năm tính từ năm 1998. Tuy nhiên, giá trị các khoản cam kết thuê hoạt động này có thể thay đổi do các Cơ quan có thẩm quyền thay đổi đơn giá tiền thuê đất trong tương lai.
- Tổng số tiền thuê 27.338 m² đất tại xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang với giá thuê 7.900 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 49 năm tính từ ngày 30 tháng 7 năm 2014. Khoản tiền thuê đất này được miễn trừ chi phí thuê trong thời gian 15 năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động. Tuy nhiên, giá trị các khoản cam kết thuê hoạt động này có thể thay đổi do các Cơ quan có thẩm quyền thay đổi đơn giá tiền thuê đất trong tương lai.

21b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.224.963,93	815.105,07
Euro (EUR)	6.297,77	6.821,32

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	15.998.662.649	17.685.513.196
Doanh thu bán thành phẩm	391.336.289.268	349.756.109.314
Doanh thu cung cấp dịch vụ	69.300.000	-
Doanh thu khác	894.255.733	1.225.488.305
Cộng	<u>408.298.507.650</u>	<u>368.667.110.815</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.927.104.184	15.894.631.872
Giá vốn của thành phẩm đã bán	322.820.329.733	297.167.586.013
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	39.298.720	-
Giá vốn khác	1.044.857.382	814.272.680
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.365.653.132	(1.374.778.351)
Cộng	<u>342.197.243.151</u>	<u>312.501.712.214</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.070.106.700	1.092.703.015
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.618.061.323	1.225.336.744
Cộng	<u>2.688.168.023</u>	<u>2.318.039.759</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9.375.670.284	9.345.316.291
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.138.091.725	512.846.179
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.303.638	42.915.763
Chi phí tài chính khác	700.000	5.850.000
Cộng	<u>10.515.765.647</u>	<u>9.906.928.233</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.275.872.974	2.748.916.498
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	155.453.768	170.782.340
Chi phí khấu hao tài sản cố định	323.623.853	405.567.562
Chi phí vận chuyển	6.186.273.823	7.280.883.249
Chi phí cước tàu, xếp dỡ	6.109.145.709	4.029.222.900
Các chi phí khác	9.177.649.407	8.300.362.225
Cộng	<u>27.228.019.534</u>	<u>22.935.734.774</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.594.932.418	8.127.195.662
Chi phí vật liệu quản lý và đồ dùng văn phòng	607.510.730	306.269.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	83.629.769	58.146.439
Thuế, phí và lệ phí	489.783.826	658.234.108
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	867.959.132	615.735.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.704.965.531	2.111.299.738
Các chi phí khác	5.064.999.979	7.869.043.526
Cộng	<u>19.413.781.385</u>	<u>19.745.924.899</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	864.136.364	42.000.000
Tiền bồi thường do tổn thất tài sản	43.745.649	-
Thu nhập khác	48.383.468	171.699.338
Cộng	956.265.481	213.699.338

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.110.050	166.840.778
Khấu hao tài sản cố định vượt nguyên giá 1,6 tỷ VND	61.231.536	61.231.536
Chi phí khác	88.276.400	7.622.303
Cộng	151.617.986	235.694.617

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.217.013.200	5.872.855.175
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	12.217.013.200	5.872.855.175
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.036	979

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này ảnh hưởng đến số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	220.439.227.236	193.992.221.864
Chi phí nhân công	75.100.997.415	69.053.284.764
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.986.432.162	13.056.061.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.447.341.287	38.452.339.532
Chi phí khác	26.500.743.512	26.461.551.265
Cộng	379.474.741.612	341.015.458.714

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	68.181.818	-
Trên 1 năm đến 5 năm	204.545.454	-
Cộng	272.727.272	-

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.17.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước (Trình bày lại)</u>
Hội đồng quản trị	412.409.091	252.000.000
Ông Đặng Ngọc Cần	49.318.182	-
Bà Trần Thị Thanh Thủy	10.909.091	60.000.000
Ông Huỳnh Thiện Nhân	48.000.000	48.000.000
Ông Ngô Quang Hiệp	39.454.545	-
Ông Nguyễn Thành Tâm	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Tiến	208.000.000	48.000.000
Bà Đoàn Đặng Quý An	8.727.273	48.000.000
Ban điều hành	2.737.217.230	1.708.102.600
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	884.963.833	631.394.560
Ông Bùi Ngọc Duy	331.664.279	-
Ông Nguyễn Công Luận	538.121.161	377.746.920
Ông Nguyễn Văn Pháp	533.141.161	373.246.920
Bà Ngô Thu Hà	449.326.796	325.714.200
Ban Kiểm soát	473.611.879	399.280.298
Bà Đặng Thị Thúy Nhanh	262.364.540	223.127.274
Ông Nguyễn Thanh Phong	181.133.703	146.153.024
Ông Nguyễn Ngọc Quý	24.659.091	-
Ông Lê Văn Huy	5.454.545	30.000.000
Cộng	<u>3.623.238.200</u>	<u>2.359.382.898</u>

3. Thông tin về bộ phận

3a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ rau củ quả. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả kinh doanh của Công ty trong năm cũng như năm trước. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và năm trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3b. *Bộ phận theo khu vực địa lý*

Doanh thu của Công ty có được là do xuất khẩu các sản phẩm từ rau củ quả đã chế biến cho các khách hàng ở nước ngoài, doanh thu do bán hàng trong nước chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm nay và năm trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

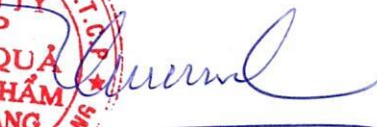
An Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2021



Trần Thụy Tố Trinh
Người lập



Ngô Thu Hà
Kê toán trưởng



Nguyễn Ngọc Vinh
Tổng Giám đốc

